

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2017/DS-ST

Ngày: 22/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2017/TLST-DS ngày 07/6/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Trụ sở: đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lương Thị Thanh T, sinh năm 1990 (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017) (có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Lâm Thanh T, sinh năm 1977

Thường trú: đường Đ, khu phố N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do bà Lương Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/02/2015, bà Lâm Thanh T ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng T. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Lâm Thanh T vay của Ngân hàng số tiền 29.400.000 đồng, lãi suất 2,92%/tháng và có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.877.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.330.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.327.000 đồng, thanh toán vào ngày 02 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 02/4/2015. Thực hiện hợp đồng, bà Lâm Thanh T đã nhận đủ tiền vay và đã

thanh toán cho Ngân hàng được 04 lần với tổng số tiền là 5.320.000 đồng. Kể từ ngày 09/7/2015, bà Lâm Thanh T không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng.

Do bà Lâm Thanh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thanh T thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gồm các khoản sau: khoản nợ gốc còn lại là 27.425.695 đồng, số tiền lãi còn lại là 13.225.079 đồng, tổng cộng là 40.650.774 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng T chỉ cho cá nhân bà Lâm Thanh T vay tiền, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà Lâm Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

2. Bị đơn bà Lâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng T do bà Lương Thị Thanh T làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lâm Thanh T phải thanh toán một lần số tiền còn nợ là 40.650.774 đồng, trong đó khoản nợ gốc còn lại 27.425.695 đồng, tiền lãi tới hạn của các kỳ từ ngày 02/8/2015 đến ngày 02/5/2017 là 13.225.079 đồng. Ngân hàng không yêu cầu bà Lâm Thanh T trả số tiền lãi của các kỳ từ tháng 6/2017 đến hết hạn hợp đồng.

Bị đơn bà Lâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thanh T trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh ngày 15/6/2017 của Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Lâm Thanh T có hộ khẩu thường trú tại đường Đ, khu phố N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2016 đã bán nhà đi khỏi địa phương không rõ đi đâu. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 22/6/2017, Ngân hàng T do bà Lương Thị Thanh T đại diện đã xác định Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà Lâm Thanh T và yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày

05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Nguyên đơn Ngân hàng T do bà Lương Thị Thanh Tâm làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.3. Bị đơn bà Lâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thanh T.

## 2. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của Ngân hàng T đối với yêu cầu trả nợ gốc là 27.425.695 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng T và bà Lâm Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định bà Lâm Thanh T và Ngân hàng thỏa thuận bà Lâm Thanh T vay của Ngân hàng số tiền 29.400.000 đồng, lãi suất 2,92%/tháng, bà Lâm Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.877.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.330.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.327.000 đồng, thanh toán vào ngày 02 hàng tháng bắt đầu từ ngày 02/4/2015.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 5 Điều 16 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng và bà Lâm Thanh T được quyền thỏa thuận về lãi suất, phương thức cho vay trả góp. Đồng thời, theo quy định tại Điều 6, Điểm d Khoản 1 Điều 25 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, bà Lâm Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng, trường hợp vi phạm hợp đồng thì Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Bà Lâm Thanh T đã trả cho Ngân hàng được 04 lần, tổng cộng là 5.320.000 đồng. Do bà Lâm Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thanh T trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại với số tiền 27.425.695 đồng là có căn cứ.

2.2. Xét yêu cầu trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng của các kỳ từ ngày 02/8/2015 đến ngày 02/5/2017, số tiền 13.225.079 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như phần nhận định trên, bà Lâm Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lãi vốn vay đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Lâm Thanh T có nghĩa vụ trả tiền lãi của các kỳ từ ngày 02/8/2015 đến ngày 02/5/2017 với số tiền 13.225.079 đồng là có căn cứ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng không yêu cầu bà Lâm Thanh T trả số tiền lãi của các kỳ từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/9/2017 cũng như đến khi hết hạn hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thanh T phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Điều 189, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 6, Khoản 5 Điều 16, Điểm d Khoản 1 Điều 25 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc bà Lâm Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 27.425.695 đồng, nợ lãi là 13.225.079 đồng, tổng cộng là 40.650.774 đồng.

Trường hợp bà Lâm Thanh T chậm trả tiền thì bà Lâm Thanh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thanh T phải chịu là 2.032.539 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.016.269 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015561 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T và bà Lâm Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Phương Châu**